

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20-01-2020

V/v: “Tranh chấp về ly hôn
và nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mầm
2. Ông Hoàng Việt Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 20 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 812/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2019 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh V1 - Sinh năm 1986 - vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Anh Đỗ Tiến V2 - Sinh năm 1989 - vắng mặt

Địa chỉ: Đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh V1 trình bày: Chị V1 xây dựng gia đình với anh V2 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/7/2010. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do lối sống, tính tình không hợp, quan điểm bất đồng, cuối tháng

6/2019 anh V2 đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị V1 xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh V2.

Về con chung: Chị V1 và anh V2 có 01 con chung là cháu Đỗ Tiến P, sinh ngày 03/12/2010. Khi ly hôn chị V1 xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Tiến P đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị V1 đang làm tại cơ sở đóng sách, thu nhập 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Tiến V2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đỗ Tiến V2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai; Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Nguyễn Thị Thanh V1 và anh Đỗ Tiến V2 tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 06/7/2010 có đăng kết hôn tại UBND phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân chị V1 – anh V2 thường xảy ra mâu thuẫn và căng thẳng từ tháng 6/ 2019, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, từ khi ly thân đến nay cả hai bên đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, giải quyết mâu thuẫn mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau; Chính quyền địa phương xác nhận từ tháng 6/2019 anh V2 và chị V1 không còn chung sống với nhau nữa. Về phía anh V2, quá trình giải quyết vụ án đã được tổng đạt thông báo thụ lý hợp lệ, nhưng anh V2 không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị V1.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị V1 – anh V2 đã kéo dài và ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh V2 của chị V1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị V1 và anh V2 có 01 con chung là cháu Đỗ Tiến P, sinh ngày 03/12/2010, từ khi vợ chồng ly thân cháu P đều ở với chị V1, chị V1 có việc làm thu nhập ổn định, mặt khác cháu Phong cũng xin được ở với chị V1. Để đảm bảo việc ăn ở, học hành ổn định cho cháu P nên cần chấp nhận ý kiến của chị V1 là giao cháu P cho chị V1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con, chị V1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và công nợ: Chị V1 xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị V1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh V1 và anh Đỗ Tiến V2.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Đỗ Tiến P, sinh ngày 03/12/2010 cho chị Nguyễn Thị Thanh V1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh Đỗ Tiến V2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Đương sự xác định không có tài sản và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh V1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V1 đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự Thành phố B theo biên lai thu tiền số: 0004980 ngày 09/10/2019.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND p. T, Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Dư